TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 07/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Dương.
Ông Võ Quốc Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22a/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo: Nguyễn T, sinh năm 1990 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành L và bà Mã Hồng D; vợ Nguyễn Kim G và hai người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 09 giờ ngày 11/7/2018, Nguyễn T sau khi đi làm thuê về đến nhà của chị ruột là Nguyễn Thị H thuộc ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau thì phát hiện thấy một cái cặp để trên kệ sắt gần chổ chị H đang bán đồ cho khách nên Nguyễn T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Lợi dụng lúc chị H bận bán đồ cho khách thì Nguyễn T mở cái cặp ra lấy 01 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K trọng

lượng 2,5 chỉ cất giấu rồi đi về nhà. Đến ngày 12/7/2018, Nguyễn T đến thành phố Cà Mau bán toàn bộ tài sản chiếm đoạt của chị H được số tiền 10.300.000 đồng. Khi phát hiện tài sản bị mất nên chị H trình báo chính quyền địa phương xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐ ngày 15/02/2019 của Hội đồng định giá huyện Ngọc Hiển kết luận: 01 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,5 chỉ do bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 15.395.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị hại xác định đã được bồi thường xong và không yêu cầu tiếp tục bồi thường, yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Cáo trạng số: 22/CT-VKS ngày 04/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển truy tố bị cáo Nguyễn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị H đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, bị cáo biết lỗi và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn T theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 năm tháng đến 01 năm 06 tháng, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và được xác định là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó có đủ căn cứ để khẳng định: Vào khoảng 09 giờ ngày 11/7/2018, sau khi phát hiện chị H có tài sản để trong cặp nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút mở cặp và chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H gồm 01 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,5 chỉ có tổng giá trị là 15.395.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn T đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản

được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự theo Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội chẳng những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của chị H mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương, vi phạm pháp luật hình sự cần phải được xử lý. Bị cáo biết rõ tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác không ai có quyền xâm hại một cách trái pháp luật thế nhưng chỉ vì mục đích tư lợi để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị H với lỗi cố ý. Bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả do chính bị cáo gây ra.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù, bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhưng qua xem xét tính chất của vụ án cũng như để phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương nên không miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tình tiết bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo sẽ được áp dụng giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, chưa bị kết án hay bị xử phạt vi phạm hành chính, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, có khả năng tự cải tạo và nếu không buộc bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm ở địa phương. Xét thấy, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự nên chấp nhận theo ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát cho bị cáo hưởng án treo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu và bị hại không yêu cầu tiếp tục bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[6] Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn T 08 (tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng cho bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu tiếp tục bồi thường nên không đặt ra.

Buộc bị cáo Nguyễn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Công an nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải